

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Đình C2** – Phó Chủ tịch, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

1. Ông **Lê Khắc H** – Phó trưởng phòng **Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện E**, tỉnh **Đắk Lắk**, có mặt.

2. Ông **Nguyễn Văn Đ** – Công chức địa chính **UBND xã C**, **huyện E**, tỉnh **Đắk Lắk**, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Hoàng Thị M**; Ông **Hoàng Văn T**; Bà **Hoàng Thị T1**; Bà **Hoàng Thị T2**; Ông **Hoàng Văn H1**; Ông **Hoàng Văn T3**. Cùng địa chỉ: **Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**. Đều vắng mặt.

Người kháng cáo: Người bị kiện **Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Gia đình ông **Hoàng Văn C**, bà **Hoàng Thị X** do điều kiện kinh tế khó khăn nên từ **Lạng Sơn** di cư vào **Đắk Lắk** lập nghiệp năm 1988. Năm 1989, gia đình được cấp hộ khẩu tại **thôn A, xã C (nay là thôn B, xã C, huyện E)**. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên năm 1989 gia đình ông **C** đã khai hoang, phát quang diện tích đất **xã C (nay là xã C)** và quản lý, sử dụng, canh tác ổn định.

Quá trình phát quang, gia đình ông **C** quản lý, sử dụng ổn định liên tục từ năm 1989 đến năm 2000 do chủ trương của Nhà nước nên qua đo đạc xác định trong số diện tích đất gia đình ông **C** khai hoang có 8,6 ha nằm trong phần đất **Lâm trường Ea Kar** quản lý, đã giao về cho địa phương. Vì vậy, sau khi đo đạc thực địa ngày 14/3/2001 ông **Hoàng Văn C** (đại diện gia đình) ký hợp đồng giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp với **Ủy ban nhân dân huyện E** với diện tích 8,6 ha, thời hạn 50 năm kể từ ngày hai bên ký khế ước.

Ngày 13/3/2002, **Ủy ban nhân dân huyện E** tiến hành đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **O 366759**, diện tích 8,6 ha (Trong đó: 30.000m² đất lâm nghiệp và 56.000m² đất khoanh nuôi tái sinh rừng), thửa đất số 41, tờ bản đồ độc lập mang tên hộ **Hoàng Văn C**.

Từ ngày khai hoang năm 1988 - 1989, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002 gia đình ông **C** quản lý, canh tác ổn định và không bị **Lâm trường, Chính quyền địa phương** xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất

đai, đồng thời gia đình luôn chấp hành nghĩa vụ công dân nơi cư trú, nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với Nhà nước.

Do có chủ trương của Nhà nước về việc thu hồi đất làm khu tái định canh đập **Krông Pắc T4**, **UBND huyện E** đã ban hành Thông báo về việc thu hồi diện tích đất của gia đình ông **C** 45.161,5m² (là một phần diện tích 8,6 ha được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002); Đồng thời, ban hành Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của **Ủy ban nhân dân huyện E** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Theo Quyết định số 67 thể hiện diện tích đất thu hồi nêu trên của gia đình ông **C** có nguồn gốc “Khai phá, lấn chiếm năm 1996 sử dụng không liên tục, đến năm 2006 sử dụng liên tục cho đến nay...”. Từ đó, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ 50% giá trị đất. Từ việc xác định nguồn gốc đất, quá trình canh tác, quản lý đất của **UBND huyện E** gia đình hoàn toàn không đồng ý, bởi:

-Thứ nhất: Về diện tích đất thu hồi có nguồn gốc gia đình ông **C** khai hoang từ năm 1988 - 1989 và sử dụng ổn định, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002; gia đình quản lý, canh tác ổn định và không bị Lâm trường, Chính quyền địa phương xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, đồng thời gia đình ông **C** luôn chấp hành nghĩa vụ công dân nơi cư trú, nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với Nhà nước.

-Thứ hai: Việc **Ủy ban nhân dân huyện E** khi thu hồi đất xác định gia đình ông **C** quản lý không liên tục và đến năm 2006 mới sử dụng ổn định là hoàn toàn không đúng với nguồn gốc sử dụng đất, quá trình sử dụng đất của gia đình ông **C** tại địa phương. Năm 2001, gia đình ông **C** ký hợp đồng nhận đất và năm 2002 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Điều đó xác định thời điểm này gia đình đã canh tác, sử dụng đất ổn định và liên tục.

-Thứ ba: Theo Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của **Ủy ban nhân dân huyện E** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thể hiện diện tích đất nêu trên gia đình sử dụng liên tục từ năm 2006 đến nay để hỗ trợ, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất với mức 50% là không đúng với nguồn gốc đất, làm ảnh hưởng đến quyền lợi, công khai hoang, tôn tạo đất của gia đình ông **C**.

Đối với Chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước gia đình luôn chấp hành. Tuy nhiên, việc **Ủy ban nhân dân huyện E** ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường để xác định diện tích

45.161,5m², địa chỉ thửa đất **thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** (thuộc **Tiểu khu F, xã C**) của gia đình ông **C** với mức hỗ trợ 50% là không đúng pháp luật.

Vì vậy, ông **C**, bà **X** khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết:

- Hủy Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất đai, cây cối, hoa màu và tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất.

-Buộc UBND huyện E lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 45.161,5m², địa chỉ thửa đất **thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** (thuộc **Tiểu khu F, xã C**) của gia đình ông **C** với mức hỗ trợ 80% để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông **Hoàng Văn C**.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk trình bày:

-Về nguồn gốc sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân.

Theo Trích lục mảnh trích đo địa chính số 9759/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 27/8/2021 và số 4448, 4449/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 09/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ. Hộ ông **Hoàng Văn C** và bà **Hoàng Thị X** thường trú tại **thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** sử dụng diện tích 45.161,5m² thuộc **thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**. Diện tích 45.161,5m² hộ ông **Hoàng Văn C** và bà **Hoàng Thị X** sử dụng có nguồn gốc: Khai phá, lấn chiếm năm 1996 trên phần diện tích 952 ha thuộc quyền sử dụng của **Lâm trường E** (nay là **Công ty TNHH MTV L**) đã được UBND tỉnh Đ thu hồi bàn giao cho địa phương quản lý theo Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 01/8/2000 về việc thu hồi quyền sử dụng 952 ha đất của Lâm trường Ea Kar giao cho UBND huyện E quản lý để thực hiện phương án giao đất, giao rừng và đã được UBND huyện E cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 84 hộ gia đình, cá nhân (phần diện tích hộ ông **Hoàng Văn C** và bà **Hoàng Thị X** sử dụng thuộc diện tích đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 366755 ngày 13/3/2002 cho hộ ông **Lương Văn E** và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 366756 ngày 13/3/2002 cho hộ ông **Âu Văn Đ1**) theo Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 13/3/2002 của UBND huyện E.

-Việc sử dụng đất ổn định, liên tục: Căn cứ bản đồ Lâm nghiệp năm 2005, UBND xã C xác nhận diện tích nêu trên sử dụng không liên tục từ năm 1996 đến năm 2005; sử dụng đất liên tục từ năm 2006 cho đến nay.

Về thẩm quyền xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, lập phương án, phê duyệt phương án bồi thường và quyết định thu hồi đất.

Thẩm quyền xác nhận nguồn gốc sử dụng đất: Căn cứ Điều 12 Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh, quyết định ban hành quy định cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất và thời điểm tạo lập tài sản và các nội dung có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận nguồn gốc, thời điểm, tình trạng sử dụng đất và thời điểm tạo lập tài sản; xác nhận các nội dung khác có liên quan.

Thẩm quyền lập phương án bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ Điều 3, Điều 14 Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh quyết định ban hành quy định cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Ban QLDA tỉnh) chịu trách nhiệm thực hiện đo đạc, kiểm đếm, áp dụng chế độ chính sách và lập phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, trình các cơ quan thẩm định theo quy định.

Thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường và quyết định thu hồi đất: Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 quy định về thẩm quyền thu hồi đất.

Căn cứ Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 quyết định ban hành quy định cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Việc **UBND huyện E** ban hành Quyết định số 67/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất đai, cây cối, hoa màu và tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Khu tái định canh số 2 - Dự án **Hồ C, tỉnh Đắk Lắk** đối với 01 tổ chức và 05 hộ gia đình, cá nhân (trong đó có hộ ông **Hoàng Văn C** được hỗ trợ với tổng số tiền là 750.459.000 đồng) là đúng thẩm quyền và theo đúng quy định của pháp luật.

- Về căn cứ pháp lý lập phương án bồi thường, hỗ trợ.

Căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 quy định điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Căn cứ Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định về trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất.

Căn cứ Công văn số 8668/UBND-TNMT ngày 24/9/2021 của **UBND tỉnh Đ** về việc thực hiện một số nội dung liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng tại dự án **Hồ C, tỉnh Đắk Lắk**. Tại Mục 5 Các trường hợp được bồi thường về đất và các trường hợp không được bồi thường về đất:

“Các trường hợp được bồi thường về đất được quy định tại Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; các trường hợp không được bồi thường về đất được quy định tại Điều 82 Luật Đất đai 2013. Các trường hợp sử dụng đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của các nông lâm trường quốc doanh; các trường hợp sử dụng đất trước đây thuộc quyền quản lý, sử dụng của các nông lâm trường quốc doanh (nay là **Công ty N1**) đã được UBND tỉnh thu hồi giao cho địa phương quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trên diện tích đất này chưa được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không được bồi thường về đất mà chỉ được hỗ trợ theo Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ khác đối với đất và tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án **Hồ C, tỉnh Đắk Lắk**”.

Căn cứ Thông báo số 81/TB-VPUBND ngày 28/6/2021 của Văn phòng **UBND tỉnh Đ**, Kết luận của đồng chí **Phạm Ngọc N** - Chủ tịch UBND tỉnh, Tổ trưởng tổ công tác tại cuộc họp chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện kế hoạch bồi thường giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, tái định cư, tiến độ giải ngân nguồn vốn của dự án **Hồ C**. Trong đó có nội dung: “Thống nhất vận dụng mức hỗ trợ quy định tại Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh để thực hiện việc hỗ trợ khác cho các đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất tại khu tái định canh, tái định cư **số B, xã C, huyện E** và ủy quyền cho **UBND huyện E** triển khai thực hiện”.

Căn cứ điểm 2 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của **UBND tỉnh Đ** về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các quyết định của **UBND tỉnh Đ**.

Căn cứ Công văn số 2309/UBND-NNMT ngày 18/3/2020 của **UBND tỉnh Đ** về việc hướng dẫn áp dụng điểm 2 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh. Theo đó việc xác định thời điểm sử dụng đất làm căn cứ áp dụng mức hỗ trợ cho các trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất được quy định tại điểm 2 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các quyết định của **UBND tỉnh Đ** được căn cứ theo thời điểm hộ gia đình, cá nhân đầu tiên bắt đầu sử dụng đất đối với phần diện tích không đủ điều kiện bồi thường, sử dụng đất liên tục kể từ thời điểm đó vào mục đích sản xuất nông nghiệp cho đến khi UBND cấp huyện ban hành thông báo thu hồi đất.

Căn cứ Kết quả kiểm đếm đối với các hộ gia đình; kết quả xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của **UBND xã C** tại Kết quả xác nhận số 08/KQXN-UBND ngày 07/10/2022 của **UBND xã C** về nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất công trình khu tái định canh số 2 và Công văn số 128/CV-UBND ngày 09/12/2022 của **UBND xã C** về việc đính chính, bổ sung một số nội dung liên quan đến xác nhận nguồn gốc đất khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình Khu tái định canh số 2; Công văn số 28/CV-UBND ngày 15/3/2023; Công văn số 62/CV-UBND ngày 25/4/2023; Công văn số 67/CV-UBND ngày 28/4/2023 của **UBND xã C** về việc đính chính, bổ sung một số nội dung liên quan đến xác nhận nguồn gốc đất đai và thời điểm sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình Khu tái định canh (PA 06 hộ).

UBND huyện E ban hành Quyết định số 67/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất đai, cây cối, hoa màu và tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Khu tái định canh số 2 “ Dự án Hồ chứa nước Không Pách thượng, tỉnh Đắk Lắk đối với 01 tổ chức và 05 hộ gia đình, cá nhân (trong đó có hộ ông **Hoàng Văn C** với tổng số tiền là 750.459.000 đồng).

Do đó, việc ông **Hoàng Văn C** và bà **Hoàng Thị X** khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai của **UBND huyện E** là không có cơ sở. **UBND huyện E** kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử lý theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Hoàng Thị T5** trình bày:*

Thống nhất với quan điểm của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Hoàng Thị M**, ông **Hoàng Văn T**, bà **Hoàng Thị T2**, ông **Hoàng Văn H1**, ông **Hoàng Văn T3** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ và đối thoại, do đó Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của những người này đối với việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 79/2024/HC-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; Điều 164; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; Điều 82 Luật Đất đai năm 2013; Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ** quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Hoàng Văn C**, bà **Hoàng Thị X** về yêu cầu:

-Hủy một phần Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của **Ủy ban nhân dân huyện E** về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất đai, cây cối, hoa màu và tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất.

-Buộc **UBND huyện E** lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 45.161,5m², địa chỉ thửa đất **thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (thuộc Tiểu khu F, xã C)** của gia đình ông **C** với mức hỗ trợ 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/6/2024, người bị kiện **UBND huyện E** có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông **Hoàng Văn C** và bà **Hoàng Thị X** do ông **Nguyễn Đình C1** đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện **UBND huyện E**, tỉnh Đắk Lắk thì tại đơn kháng cáo cũng như quan điểm của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị

kiện cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm hủy một phần Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E và buộc UBND huyện E lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 45.161,5m² cho gia đình ông Hoàng Văn C với mức hỗ trợ 80% là không có cơ sở nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Hoàng Văn C và bà Hoàng Thị X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện UBND huyện E và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Xét đơn kháng cáo của người bị kiện UBND huyện E thì thấy: Về nguồn gốc đất mà hộ ông Hoàng Văn C bị thu hồi là vào năm 1988 gia đình ông C di cư vào lập nghiệp tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình sinh sống gia đình ông C đã khai hoang đất. Ngày 14/3/2000, UBND huyện E ban hành Quyết định số 51/QĐ-UB về việc giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân quản lý, sử dụng lâu dài vào mục đích lâm nghiệp và giao cho ông Hoàng Văn C 8,6 ha, kèm theo có khế ước giao đất lâm nghiệp thuộc rừng sản xuất cho hộ gia đình, cá nhân. Ông C được giao diện tích 8,6 ha với thời gian giao là 50 năm kể từ ngày hai bên ký khế ước và đã lập biên bản giao đất lâm nghiệp ở thực địa cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp ngày 14/3/2000. Ngày 01/8/2000, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 1605/QĐ-UB về việc thu hồi quyền sử dụng 952 ha đất của Lâm trường Ea Kar giao cho UBND huyện E quản lý để thực hiện phương án giao đất, giao rừng. Ngày 13/3/2002, UBND huyện E cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 066759 cho hộ ông Hoàng Văn C. Ngày 17/5/2023, UBND huyện E ban hành Quyết định số 67/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất đai, cây cối, hoa màu và tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình khu tái định canh 2- Dự án Hồ chứa nước Krông Pách Thượng, tỉnh Đắk Lắk và đã lập bảng tính tổng hợp chi tiết, trong đó hỗ trợ về đất cho hộ ông Hoàng Văn C bằng 50% với lý do: Khai phá, lấn chiếm năm 1996 sử dụng không liên tục, đến năm 2006 sử dụng liên tục cho đến nay...Hội đồng xét xử thấy rằng, theo kết quả xác nhận số 80/KQXN-UBND ngày 07/10/2022 của

UBND xã C thì đất của hộ ông Hoàng Văn C sử dụng ổn định, liên tục từ năm 2002 cho đến nay. Tại Công văn số 128/CV-UBND ngày 09/12/2022 của UBND xã C về việc đính chính, bổ sung một số nội dung liên quan đến xác nhận nguồn gốc đất đai và thời điểm sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình khu tái định canh số 2 thì đất của ông C được xác định: Từ năm 1996 đến năm 2001 sử dụng không liên tục, từ năm 2002 sử dụng liên tục cho đến nay. Tại Công văn số 67/CV-UBND ngày 28/4/2023 của UBND xã C về việc đính chính, bổ sung một số nội dung liên quan đến xác nhận nguồn gốc đất đai và thời điểm sử dụng đất...thì xác định đất của ông C sử dụng không liên tục từ năm 1996 đến năm 2005, sử dụng ổn định liên tục từ năm 2006 đến nay. Như vậy, việc xác nhận của UBND xã C không thống nhất, không có biên bản hay căn cứ nào để cho rằng đất của ông C sử dụng không liên tục. Trong khi đó gia đình ông C vẫn ở địa phương đó. Tại biên bản làm việc ngày 25/11/2022, ông C không đồng ý với xác nhận trên, thế nhưng Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của UBND huyện E lại căn cứ vào Công văn số 67/CV-UBND ngày 28/4/2023 của UBND xã C để áp dụng đối với trường hợp của hộ gia đình ông C là chưa phù hợp. Hơn nữa, ngày 13/3/2002, hộ ông C được UBND huyện E cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứng tỏ từ năm 2002 trở về trước hộ gia đình ông C đã sử dụng đất ổn định liên tục thì mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn C, bà Hoàng Thị X về việc hủy một phần Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của UBND huyện E và buộc UBND huyện E lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 45.161,5m² đất của gia đình ông C với mức hỗ trợ 80% là đúng theo điểm b khoản 2 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, người bị kiện UBND huyện E không cung cấp chứng cứ gì mới nên bác kháng cáo của người bị kiện UBND huyện E và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người bị kiện UBND huyện E phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

3. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của người bị kiện **UBND huyện E** và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; Điều 164; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; Điều 82 Luật Đất đai năm 2013; Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ** quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Hoàng Văn C**, bà **Hoàng Thị X** về yêu cầu:

-Hủy một phần Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của **Ủy ban nhân dân huyện E** về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất đai, cây cối, hoa màu và tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất.

-Buộc **UBND huyện E** lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 45.161,5m², địa chỉ thửa đất **thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (thuộc Tiểu khu F, xã C)** của gia đình ông **C** với mức hỗ trợ 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

2. Về án phí: **UBND huyện E** phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được trừ 300.000 đồng **UBND huyện E** đã nộp tại biên lai thu tiền số 0012915 ngày 18/6/2024 của **Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk**.

3. Quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Liêm

